

Bản án số: **02/2018/KDTM-ST**

Ngày: 31-8-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hòa.

2/ Ông Huỳnh Minh Thuận

- Thư ký phiên tòa: bà Lý Thị Qual – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLST-KDTM ngày 20/6/2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-KDTM ngày 08/8/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân L.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Triệu Mộc Đ, sinh năm 1945. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Địa chỉ: Ấp C, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo pháp luật (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã L, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Trịnh Hữu T (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng nhân dân L (sau đây gọi là Quỹ tín dụng) là ông Triệu Mộc Đ trình bày:

Vào ngày 23 tháng 01 năm 2015, bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Trịnh Hữu T có vay vốn tại Quỹ tín dụng theo hợp đồng tín dụng số: 0055/2015/HĐTD.QTD, ngày 23/01/2015 với số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Lãi suất vay 02%/tháng. Mục đích vay vốn: Mua bán thịt heo. Thời hạn vay: 730 ngày (từ ngày 23/01/2015 đến ngày 22/01/2017), phương thức trả góp

gốc và lãi trả đều hàng ngày, mỗi ngày trả vốn là 54.800 đồng, trả lại 26.700 đồng, đến ngày 22/01/2017 bà B, ông T phải trả tổng số tiền 59.446.700 đồng (trong đó vốn gốc 40.000.000 đồng, lãi là 19.446.700 đồng). Bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Trịnh Hữu T đồng ý dùng kiốt tại chợ thị trấn L để đảm bảo tiền vay cho hợp đồng tín dụng nói trên.

Từ ngày 24/01/2015 đến ngày 29/6/2015 bà B, ông T đã trả được nợ gốc 8.603.600 đồng và đã trả lãi là 4.191.900 đồng thì ngưng đến nay không trả nữa. Hiện bà B, ông T còn nợ lại Quỹ tín dụng 46.676.000 đồng (trong đó vốn 31.451.200 đồng, lãi 15.274.800 đồng). Quỹ tín dụng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trần Đề giải quyết buộc bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Trịnh Hữu T phải trả nợ cho Quỹ tín dụng 46.676.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/4/2018 cho đến ngày trả dứt nợ theo phán quyết của Tòa án với mức lãi suất quá hạn là 2%/tháng trên tổng số tiền gốc là 31.396.400 đồng.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Quỹ tín dụng yêu cầu bà B, ông T trả số tiền vay 46.405.000 đồng (trong đó vốn 31.396.400 đồng, lãi 15.008.600 đồng), lý do là khi khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, do tính toán sai, với số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất vay 02%/tháng, thời hạn vay 730 ngày (từ ngày 23/01/2015 đến ngày 22/01/2017), phương thức trả góp gốc và lãi trả đều hàng ngày thì mỗi ngày trả vốn là 54.800 đồng, trả lại 26.300 đồng, đến ngày 22/01/2017 bà B, ông T phải trả tổng số tiền 59.200.000 đồng (trong đó vốn gốc 40.000.000 đồng, lãi là 19.200.000 đồng) mới đúng, nhưng Quỹ tín dụng yêu cầu bà B, ông T trả số tiền còn nợ là 46.676.000 đồng là không chính xác, trong khi bà B, ông T đã trả được gốc 8.603.600 đồng và đã trả lãi là 4.191.900 đồng, thực tế chỉ còn nợ Quỹ tín dụng 46.405.000 đồng (trong đó vốn 31.396.400 đồng, lãi 15.008.600 đồng). Nay Quỹ tín dụng không yêu cầu bà B, ông T trả lãi phát sinh từ ngày 16/4/2018 cho đến ngày trả dứt nợ với mức lãi suất quá hạn là 2%/tháng trên tổng số tiền gốc là 31.396.400 đồng, chỉ yêu cầu bà B, ông T trả lại số tiền vốn và lãi còn nợ là 46.405.000 đồng (trong đó vốn 31.396.400 đồng, lãi 15.008.600 đồng).

– *Bị đơn bà Trần Thị Ngọc B trình bày:* Bà thừa nhận có ký hợp tín dụng với Quỹ tín dụng ngày 23/01/2015 để vay số tiền 40.000.000 đồng, thời gian trả, lãi suất đúng như nguyên đơn trình bày. Từ ngày 24/01/2015 đến ngày 29/6/2015 bà B, ông T đã trả được nợ gốc 8.603.600 đồng và đã trả lãi là 4.191.900 đồng thì ngưng đến nay không trả nữa. Hiện bà B, ông T còn nợ lại Quỹ tín dụng số tiền nợ gốc và lãi đúng như Quỹ tín dụng trình bày. Bà B đồng ý trả số nợ trên cho Quỹ tín dụng, nhưng hiện hoàn cảnh khó khăn bà B xin trả vốn gốc, phần lãi xin Quỹ tín dụng miễn cho vợ chồng bà và yêu cầu trả dần vốn gốc mỗi tháng trả 500.000 đồng đến khi dứt nợ.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Trịnh Hữu T, nhưng ông T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu của Quỹ tín dụng, đồng thời ông T cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

– Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ

của mình đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bà Trần Thị Ngọc B, ông Nguyễn Thị Hữu T là chưa đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự tranh chấp với nhau về việc trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng. Nguyên đơn là tổ chức có đăng ký kinh doanh, cả hai bên khi xác lập hợp đồng đều có mục đích lợi nhuận. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại điểm b Điều 2 Nghị quyết số 03/2012/NQ- HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bà Trần Thị Ngọc B, ông Nguyễn Trịnh Hữu T, nhưng bà B, ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ngọc B, ông Nguyễn Trịnh Hữu T.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Quỹ tín dụng và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Triệu Mộc Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số 0055/2015/HĐTD.QTD ngày 23/01/2015 giữa Quỹ tín dụng với bà Trần Thị Ngọc B có nội dung: Quỹ tín dụng cho bà Bích vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng, thời gian vay 730 ngày (từ ngày 23/01/2015 đến ngày 22/01/2017), phương thức trả góp gốc và lãi trả đều hàng ngày, mỗi ngày trả gốc và lãi là 81.500 đồng. Bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Trịnh Hữu T đồng ý dùng kiốt tại chợ thị trấn L, huyện Đ để đảm bảo tiền vay cho hợp đồng tín dụng nói trên.

[4] Theo phụ lục hợp đồng số 0055/2015/HĐTD.QTD ngày 23/01/2015 thì tổng số tiền gốc và lãi bà B phải trả là 59.466.700 đồng (vốn gốc 40.000.000 đồng và lãi 19.466.700 đồng) là không chính xác, vì với số nợ gốc 40.000.000 đồng x 2%/tháng x 730 ngày thì số tiền lãi bà B phải trả là 19.200.000 đồng. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định lại số tiền gốc và lãi do tính toán sai trong quá trình khởi kiện, theo đó chỉ yêu cầu bà B, ông T trả lại số tiền vốn và lãi còn nợ là 46.405.000 đồng (trong đó vốn 31.396.400 đồng, lãi 15.008.600 đồng). Bà B trả nợ vay từ ngày 24/01/2015 đến ngày 29/6/2015 thì ngưng, bà B đã trả cho Quỹ tín dụng được 12.795.500 đồng (trong đó nợ gốc đã trả được là 8.603.600 đồng, lãi đã trả được là 4.191.900 đồng)

Xét thấy, hợp đồng tín dụng nêu trên xác lập trên cơ sở tự nguyện, về hình thức và nội dung giao kết tại thời điểm xác lập phù hợp theo quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, cho nên Hợp đồng tín dụng nêu trên có giá trị pháp lý thực hiện. Theo người đại diện hợp pháp của Quỹ tín dụng trình bày, cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Quỹ tín dụng đã giải ngân vào ngày 23/01/2015. Bà B đã nhận đủ số vốn vay 40.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, 24/01/2015 đến ngày 29/6/2015 bà B đã trả được nợ gốc 8.603.600 đồng và đã trả lãi là 4.191.900

đồng thì ngưng đến nay không trả nữa. Hiện bà B, ông T còn nợ lại Quỹ tín dụng 46.405.000 đồng (trong đó vốn 31.451.200 đồng, lãi 15.274.800 đồng). Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Quỹ tín dụng không yêu cầu bà B, ông T trả lãi phát sinh từ ngày 16/4/2018 cho đến ngày trả dứt nợ theo pháp quyết của Tòa án với mức lãi suất quá hạn là 2%/tháng trên tổng số tiền gốc là 31.396.400 đồng như đơn khởi kiện, chỉ yêu cầu bà B, ông T trả lại số tiền vốn và lãi còn nợ là 46.405.000 đồng (trong đó vốn 31.396.400 đồng, lãi 15.008.600 đồng).

[5] Bà B thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về ký kết hợp đồng tín dụng, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả, số tiền đã trả, cũng như số tiền gốc và lãi còn nợ đúng như nguyên đơn trình bày và đồng ý trả, nhưng hiện hoàn cảnh của bà khó khăn, bà B xin được miễn trả lãi và xin trả vốn gốc mỗi tháng 500.000 đồng. Xét thấy, bà B thực hiện không đúng theo giao kết, đã vi phạm khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, bà B là người có lỗi và là người vi phạm Hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu bà B trả nợ là đúng theo quy định tại Điều 25 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà Nước ban hành và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà B xin được trả miễn trả lãi, và xin trả vốn gốc mỗi tháng 500.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tuy trong hợp đồng tín dụng bên vay vốn chỉ ghi tên bà B, nhưng khi ký nhận bên vay vốn thì cả ông Nguyễn Trịnh Hữu T và bà Trần Thị Ngọc B cùng ký tên, đồng thời từ thời điểm vay đến nay, bà B và ông T vẫn là vợ chồng. Ông T, bà B cũng không có ai phản đối đây là nợ chung. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử đây xác định đây là khoản nợ chung của bà B, ông T trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy, Quỹ tín dụng yêu cầu bà B và ông T có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng tổng số tiền vốn và lãi 46.405.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Trịnh Hữu T cùng phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp kinh doanh thương mại là 3.000.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quỹ tín dụng nhân dân L không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ điểm b Điều 2 Nghị quyết số 03/2012/NQ- HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân L.

Buộc bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Trịnh Hữu T trả cho Quỹ tín dụng nhân dân L số tiền vốn 31.451.200 đồng, lãi 15.274.800 đồng, tổng cộng 46.405.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng).

Kể từ ngày 01/9/2018, nếu bà Trần Thị Ngọc B, ông Nguyễn Trịnh Hữu T không thanh toán số tiền trên cho Quỹ tín dụng nhân dân L, thì bà B, ông T còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc B và ông Nguyễn Trịnh Hữu T cùng phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí sơ thẩm.

Quỹ tín dụng nhân dân L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009633, ngày 15/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh